

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2018/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp thực hiện công tác
quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;**Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;**Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;**Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;**Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;**Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;**Căn cứ Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;*

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/5/2018 và thay thế Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước
ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến các hoạt động trong ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ, khái niệm được hiểu như sau:

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gồm các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các Phòng: Quản lý đô thị, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gọi chung là Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương II

QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 4. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

1. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

a) Sở Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

b) Ủy ban nhân dân các huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

c) Chủ đầu tư được giao tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng.

2. Trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị:

1. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị:

a) Đối với quy hoạch chung đô thị.

- Sở Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung đô thị mới.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn, thị xã, thành phố thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

b) Đối với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị.

- Sở Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 2 huyện trở lên; nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng.

- Các sở, ban, ngành tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết thị trấn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư.

c) Chủ đầu tư được giao tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị.

2. Trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới trước khi phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đô thị mới; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 2 huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới.

b) Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

c) Ủy ban nhân dân các huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết thị trấn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù:

1. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù:

a) Các sở, ban, ngành tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù.

c) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư theo quy định.

d) Chủ đầu tư được giao tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng.

2. Trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù có quy mô trên 200 ha trước khi phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù (trừ các quy hoạch quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 34 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13); quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch

1. Chủ đầu tư được giao lập quy hoạch có trách nhiệm lập dự toán kinh phí tổ chức lập quy hoạch theo quy định hiện hành; trình thẩm định và trình phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch.

2. Trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí phục vụ lập quy hoạch:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định dự toán kinh phí lập quy hoạch thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định dự toán kinh phí phục vụ lập quy hoạch thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ lập quy hoạch thuộc ngân sách tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ lập quy hoạch thuộc ngân sách huyện.

Điều 9. Rà soát quy hoạch

Theo định kỳ rà soát quy hoạch, các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát quy hoạch được giao quản lý, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 10. Công bố công khai quy hoạch

Chủ đầu tư được giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện (địa bàn có đồ án quy hoạch được phê duyệt) tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định.

Điều 11. Cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch

Thực hiện theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng và quy định hiện hành.

Điều 12. Giới thiệu địa điểm và cung cấp thông tin về quy hoạch

Cơ quan được giao quản lý quy hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giới thiệu địa điểm và cung cấp thông tin về quy hoạch do mình quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền cấp giấy phép quy hoạch

1. Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ không nằm trong phạm vi ranh giới diện tích quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh và các dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và nằm trong phạm vi ranh giới diện tích quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các dự án nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 14. Thẩm quyền và trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình

1. Đối với dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các dự án từ nhóm B trở xuống; thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (trường hợp thiết kế hai bước) từ cấp II trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, cụ thể như sau:

- Sở Xây dựng đối với các công trình: Công trình dân dụng (bao gồm công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m), công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông vận tải đối với công trình giao thông (trừ công trình giao thông trong đô thị do Sở Xây dựng thẩm định);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định dự án từ nhóm B trở xuống; thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) công trình từ cấp II trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án, công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án có quy mô từ nhóm B trở xuống; thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án có quy mô từ nhóm B trở xuống; thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) công trình từ cấp II trở xuống; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định phần thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (dự án PPP):

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này, chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở, trừ phần thiết kế công nghệ (nếu có); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, trình phê duyệt dự án.

4. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ); thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước hoặc trường hợp thiết kế một bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ các công trình quy định tại điểm b khoản này;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ); thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước hoặc trường hợp thiết kế một bước) đối với công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế (trừ công trình cầu vượt sông, đường quốc lộ, đường sắt qua khu công nghiệp, khu kinh tế và công trình nhà ở);

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án (trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan được quy định tại điểm a, điểm b khoản này thực hiện); các nội dung khác của Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng đối với các công trình quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

5. Các quy định khác về thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính có cấp cao nhất của dự án;

b) Dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 (năm trăm) tỷ đồng trong tổng mức đầu tư, thì dự án được thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách;

c) Điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình:

Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh; thiết kế - dự toán xây dựng công trình điều chỉnh là cơ quan đã chủ trì thẩm định đối với dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế - dự toán xây dựng công trình được phê duyệt.

Dự án, thiết kế - dự toán xây dựng điều chỉnh phải được thẩm định, phê duyệt. Các trường hợp điều chỉnh dự án, thiết kế - dự toán xây dựng thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

6. Thẩm quyền phê duyệt dự án, thiết kế - dự toán xây dựng công trình:

Thực hiện theo quyết định phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 15. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Thẩm quyền quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

a) Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ;

b) Sở Giao thông vận tải giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình giao thông trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình công nghiệp trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý.

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý, công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng, nhà ở riêng lẻ, công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo quy định, trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

a) Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP).

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo thẩm quyền, thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, riêng đối với điểm đ khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quy định này (trừ các công trình thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành). Bao gồm các công trình sau:

a) Công trình xây dựng từ cấp II trở xuống, sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách;

b) Công trình cấp II trở xuống có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngoài các công trình đã quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

c) Công trình cấp II trở xuống có ảnh hưởng lớn đến môi trường ngoài các công trình đã nêu tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Công trình quan trọng khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra đối với một số công trình thuộc trách nhiệm của Sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

3. Riêng đối với công trình đường dây, trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống, công trình cấp IV sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư tự tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và báo cáo kết quả nghiệm thu cho Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp, theo dõi.

4. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra công trình chính của dự án, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu cho toàn bộ công trình theo các quy định và mời các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

Điều 17. Thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo trách nhiệm quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp III trên địa bàn cấp huyện.

Điều 18. Thẩm quyền và trách nhiệm giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo trách nhiệm quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân các sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp I.

Điều 19. Thẩm quyền và trách nhiệm cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho các công trình trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Công trình xây dựng cấp I, cấp II;

b) Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài; tranh hoành tráng; công trình quảng cáo; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động xây dựng trong các đô thị;

c) Công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh được xác định trong quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;

d) Các công trình thuộc dự án trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình (kể cả công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế Định An thuộc thẩm quyền quản lý, trừ công trình tín ngưỡng, nhà ở riêng lẻ và các công trình quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn quản lý gồm:

a) Công trình tín ngưỡng: Đình, đền, am, miếu, từ đường, nhà thờ họ và những công trình tương tự khác;

b) Nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa giới hành chính do mình quản lý;

c) Các công trình còn lại, trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Ngoài các công trình được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

7. Trường hợp đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình cấp cao nhất có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại thuộc dự án.

Điều 20. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc sau:

a) Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

d) Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương;

c) Tuyên truyền, phổ biến, thông tin về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương;

d) Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng thanh tra chuyên ngành về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương;

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Xây dựng về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của địa phương.

Chương IV

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Mục 1

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý phát triển đô thị

1. Sở Xây dựng:

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, chương trình phát triển đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hóa, các mô hình quản lý đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh (như các chương trình nâng cấp đô thị; chương trình phát triển đô thị; đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; các dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị; các dự án đầu tư phát triển đô thị,...);

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí theo quy định; thẩm định Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc huy động và tổng hợp các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đảm bảo phù hợp các bước phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh;

b) Chủ trì việc nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc hình thành, sử dụng quỹ đất phát triển đô thị; thực hiện các ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị;

c) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo phù hợp với chương trình phát triển đô thị tỉnh và Chương trình phát triển đô thị của từng địa phương.

4. Sở Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các địa phương liên quan quy hoạch, phát triển hệ thống giao thông gắn kết với hệ thống đô thị trung tâm các cấp;

b) Lập kế hoạch và thực hiện phát triển mạng lưới giao thông toàn tỉnh theo định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông vận tải tỉnh đã phê duyệt phù hợp với Chương trình phát triển đô thị để đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tham gia, phối hợp trong quá trình lập, thẩm định chương trình phát triển đô thị; tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị sau khi được phê duyệt;

- b) Phối hợp Sở Xây dựng lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị;
- c) Tổ chức lập và triển khai thực hiện đề án phân loại đô thị trên địa bàn;
- d) Tổ chức kêu gọi đầu tư cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn;
- đ) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn gửi về Sở Xây dựng tổng hợp theo quy định.

Mục 2

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý cấp nước đô thị và khu công nghiệp

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp; quản lý hoạt động của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn đô thị và khu công nghiệp theo quy định;

b) Tổ chức lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp; xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng, công bố định mức, đơn giá liên quan công tác sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành hệ thống cấp nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị cung cấp nước xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

đ) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn và quản lý việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, các mô hình công nghệ, mô hình quản lý hệ thống cấp nước phù hợp với đặc điểm và quy mô đô thị, khu công nghiệp; hướng dẫn quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống cấp nước trong đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

e) Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu nước sạch; tổ chức lập kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu nước sạch giai đoạn 05 năm cho toàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu Ban chỉ đạo triển khai thực hiện đúng Kế hoạch được duyệt;

g) Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, giám sát đơn vị cấp nước thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng nước;

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước tại đô thị và khu

công nghiệp; quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước theo từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, để kêu gọi đầu tư;

b) Bố trí, cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ hoặc đầu tư phát triển các công trình, dự án phát triển hệ thống cấp nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: phương án giá nước sạch và biểu giá nước sạch sinh hoạt do đơn vị cấp nước xây dựng theo quy định; phương án cấp bù từ ngân sách tỉnh đối với trường hợp giá nước được phê duyệt thấp hơn so với phương án giá được tính đúng, tính đủ;

b) Chủ trì, thực hiện kiểm tra việc áp dụng giá nước sạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện việc cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, nước dưới đất theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các nguy cơ có thể gây ô nhiễm các nguồn nước nhất là các khu vực thượng nguồn, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch; triển khai các biện pháp phòng ngừa và khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nguồn nước;

c) Quản lý việc sử dụng đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt;

d) Trên cơ sở đồ án quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt, tổ chức, quản lý, bảo vệ quỹ đất đã được xác định phục vụ cho các công trình cấp nước.

5. Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc triển khai các công trình hạ tầng giao thông đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đảm bảo tính hiệu quả;

b) Phối hợp với đơn vị cấp nước chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm an toàn hệ thống cấp nước sạch, đồng thời yêu cầu đơn vị cấp nước phải bảo đảm an toàn giao thông tại nơi có sự cố và hoàn trả mặt bằng theo hiện trạng ban đầu đối với các tuyến đường được giao quản lý.

6. Sở Y tế:

Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

7. Công an tỉnh:

a) Thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế; kiểm định phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định;

b) Nhận bàn giao, khai thác, sử dụng có hiệu quả; kiểm tra, đề xuất sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, thay thế các trụ nước chữa cháy;

c) Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của hệ thống các trụ nước chữa cháy, đảm bảo các trụ nước chữa cháy luôn có nước với áp lực tối thiểu theo quy định;

d) Phối hợp với đơn vị cấp nước xây dựng phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy đô thị và khu công nghiệp; dự kiến kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm và xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp từ đó làm cơ sở thanh toán kinh phí sử dụng nước thực tế.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh:

a) Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành;

b) Phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý; phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập;

c) Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý; triển khai thực hiện, tổ chức giám sát kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn theo nhiệm vụ được giao;

d) Phối hợp với đơn vị cấp nước chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm an toàn hệ thống cấp nước sạch, đồng thời yêu cầu đơn vị cấp nước phải bảo đảm an toàn giao thông tại nơi có sự cố và hoàn trả mặt bằng theo hiện trạng ban đầu đối với các tuyến đường được giao quản lý.

đ) Báo cáo tình hình hoạt động về cấp nước sạch trên địa bàn khu công nghiệp về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 5), hàng năm (trước ngày 20 tháng 11).

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý về hoạt động cấp nước được quy định tại Khoản 9 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành; phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập;

b) Phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn do mình quản lý;

c) Ưu tiên quỹ đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước sạch dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu hồi đất theo quy định để nhà đầu tư công trình cấp nước triển khai dự án;

d) Theo dõi tình hình triển khai quy hoạch và các dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn; báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án về Sở Xây dựng tổng hợp, đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, xử lý;

đ) Tổ chức phổ biến, công khai đến người dân thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát cộng đồng về quy hoạch cấp nước, thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước, quá trình triển khai thực hiện các dự án cấp nước, chất lượng dịch vụ và giá cung cấp nước sạch theo đúng quy định hiện hành;

e) Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng; triển khai thực hiện, tổ chức giám sát kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt trên địa bàn mình quản lý theo nhiệm vụ được giao;

g) Phối hợp với đơn vị cấp nước chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm an toàn hệ thống cấp nước sạch, đồng thời yêu cầu đơn vị cấp nước phải bảo đảm an toàn giao thông tại nơi có sự cố và hoàn trả mặt bằng theo hiện trạng ban đầu đối với các tuyến đường được giao quản lý.

h) Báo cáo tình hình hoạt động về cấp nước sạch trên địa bàn định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 5) và hàng năm (trước ngày 20 tháng 11) và đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

10. Đơn vị cấp nước:

a) Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng đạt theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế “Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước ăn uống” đối với các nhà máy cấp nước có công suất từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên, đạt theo Quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế “Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt” đối với các nhà máy cấp nước có công suất nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm;

b) Lập phương án giá nước sạch trên cơ sở xác định giá nước sạch theo từng vùng phục vụ cấp nước đã được xác định sau khi thống nhất với bên ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước sạch, báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Lập và ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh trong phạm vi phục vụ theo đúng quy định hiện hành;

d) Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau;

đ) Tham gia ý kiến vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh;

e) Lập kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu nước sạch của từng trạm cấp nước theo lộ trình đã được phê duyệt, trình Sở Xây dựng thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện đúng kế hoạch được duyệt;

g) Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; ưu tiên sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân;

h) Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy và chữa cháy; chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng, duy tu, bảo vệ các họng, trụ, bể nước phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý;

i) Chủ động tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch của các nhà máy nước theo định kỳ hằng tuần để bảo đảm nước cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định; báo cáo định kỳ kết quả xét nghiệm mẫu nước về Sở Y tế, Sở Xây dựng; trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định phải xử lý kịp thời;

k) Cân đối nguồn vốn, thực hiện việc đầu tư, mở rộng mạng lưới đường ống, công suất cấp nước đến các khu dân cư tập trung, tuyển dân cư chưa được cung cấp nước sạch;

l) Thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà máy cấp nước sạch, mạng lưới đường ống cấp nước sạch theo quy định của pháp luật;

m) Khi chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh cấp nước sạch của đơn vị cấp nước cho các tổ chức, cá nhân khác, phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước;

n) Đơn vị cấp nước cần thông báo kịp thời cho các khách hàng sử dụng nước khi có sự cố xảy ra và có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước;

o) Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn các đô thị và khu công nghiệp định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 5), 01 năm (trước ngày 20 tháng 11) về Sở Xây dựng.

Điều 23. Trách nhiệm và thẩm quyền quản lý thoát nước đô thị và khu công nghiệp

Thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 24. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị, khu công nghiệp

Thực hiện theo Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 25. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị

Thực hiện theo Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý chiếu sáng đô thị

1. Sở Xây dựng:

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, chịu trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị; tổ chức công bố quy hoạch chiếu sáng đô thị sau khi được phê duyệt;

b) Hướng dẫn lập, thẩm định các nội dung liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị. Quản lý việc xây dựng phát triển chiếu sáng đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp với các sở, ngành tổ chức lập kế hoạch phát triển chiếu sáng đô thị của tỉnh theo giai đoạn hàng năm và theo các chương trình của Chính phủ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm định kế hoạch phát triển chiếu sáng đô thị do các địa phương xây dựng; lập kế hoạch hạ ngầm đường dây cấp điện chiếu sáng công cộng;

d) Phổ biến các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị; làm đầu mối tổng hợp các kiến nghị về sửa đổi, bổ sung định mức dự toán, các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung;

đ) Chủ trì, phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quy hoạch; quản lý quy hoạch; đầu tư phát triển; quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

e) Phối hợp với các sở, ngành xây dựng định mức, đơn giá về hoạt động chiếu sáng đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

g) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý, chiếu sáng trên địa bàn. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động chiếu sáng đô thị sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối, bố trí dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo duy trì hoạt động của hệ thống chiếu sáng đô thị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư cho các công trình chiếu sáng đô thị theo chương trình, dự án được duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện xã hội hóa, kêu gọi đầu tư các dự án đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

4. Sở Công Thương:

a) Tham gia ý kiến chuyên ngành các đề án quy hoạch đô thị, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến chiếu sáng đô thị;

b) Phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, vận hành, bảo trì và thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng đô thị.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn công tác quản lý chiếu sáng các công trình công cộng mang tính chất văn hóa, lịch sử, tượng đài, đài tưởng niệm, vườn hoa công viên, chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội, chiếu sáng quảng cáo, trang trí đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang tính thẩm mỹ.

6. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Xây dựng và Công an tỉnh trong công tác chiếu sáng định vị, hướng dẫn cho các phương tiện giao thông hoạt động an toàn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị.

8. Công an tỉnh:

Chỉ đạo Công an cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành về an toàn chiếu sáng.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn quản lý;

b) Chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 về quản lý chiếu sáng đô thị;

c) Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị; lập kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị;

đ) Xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hoạt động chiếu sáng đô thị theo thẩm quyền;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý chiếu sáng trên địa bàn.

g) Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng của đơn vị quản lý, vận hành.

h) Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn về Sở Xây dựng.

10. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng.

a) Đảm bảo quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định;

b) Thực hiện đúng nội dung và yêu cầu trong hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng và các quy định của pháp luật.

Điều 27. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng

1. Sở Xây dựng:

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quy hoạch và các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để tham gia trong lĩnh vực xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổ chức lập giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

g) Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn;

h) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các thủ tục về đất đai để xây dựng nghĩa trang, quy định vùng hạn chế, vùng cấm khai thác nước ngầm, khai thác khoáng sản theo quy hoạch nghĩa trang được phê duyệt;

b) Hướng dẫn chủ đầu tư lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang theo quy định;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra, xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong việc sử dụng đất xây dựng nghĩa trang trên địa bàn toàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, xử lý và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong việc vệ sinh môi trường tại các nghĩa trang trên địa bàn.

3. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc sử dụng vốn ngân sách trong đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng, di chuyển nghĩa trang, chi phí quản lý nghĩa trang, nguồn thu từ phí, lệ phí dịch vụ trong nghĩa trang;

b) Tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn do mình quản lý; có phân cấp quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng cho UBND cấp xã;

b) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

c) Thực hiện việc cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

d) Phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

đ) Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn;

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, sử dụng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

g) Báo cáo Sở Xây dựng theo định kỳ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện công tác quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng cho người dân trên địa bàn biết; tuyên truyền, vận động người dân táng người chết vào các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đã được xây dựng theo quy hoạch; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng hình thức hỏa táng, tổ chức tang lễ tiết kiệm, văn minh, hiện đại.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn.

6. Đơn vị quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng:

a) Quản lý nghĩa trang theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nghĩa trang được phê duyệt;

b) Niêm yết công khai giá dịch vụ nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và đảm bảo chất lượng dịch vụ;

c) Xây dựng nội quy quản lý cơ sở hỏa táng và thực hiện dịch vụ hỏa táng theo đúng giá dịch vụ hỏa táng đã được niêm yết công khai tại cơ sở hỏa táng; xây dựng và thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành lò hỏa táng, định kỳ kiểm tra, bảo trì

các thiết bị liên quan đến việc hỏa táng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, lò hỏa táng hoạt động tốt, an toàn.

d) Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý nước thải trong nghĩa trang, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh từ cơ sở hỏa táng tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản lý chất thải;

e) Báo cáo định kỳ 2 lần/năm và báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo phân cấp và của Sở Xây dựng.

Điều 28. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý đường đô thị

Thực hiện theo Quy định về phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 29. Trách nhiệm và thẩm quyền quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị

Thực hiện theo Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 30. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý xây dựng ngầm đô thị

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển xây dựng ngầm đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về quản lý xây dựng, khai thác công trình ngầm và công tác hạ ngầm các đường dây, đường cáp trong đô thị; hướng dẫn việc thực hiện sau khi được phê duyệt; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị.

d) Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn về Bộ Xây dựng theo định kỳ.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình phát triển xây dựng ngầm đô thị;

b) Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu; lưu trữ hồ sơ và cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình ngầm;

d) Báo cáo tình hình công tác quản lý xây dựng ngầm đô thị về Sở Xây dựng theo định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

3. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình ngầm;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định;

c) Cung cấp dữ liệu về công trình ngầm do mình quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng theo quy định để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình xây dựng ngầm đô thị;

d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình ngầm cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy định này;

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung của Quy định này tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng